TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng.**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng.**

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Trần Việt Tú – kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Đặng Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày**:

Tôi và anh Đặng Văn T sống chung với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/4/2012. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Nay tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Tánh.

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/5/2012. Hiện nay con chung đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi không cấp

dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* **Tại bản tự khai bị đơn anh Đặng Văn T trình bày**:

Tôi và chị T sống chung với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/4/2012. Trong thời gian chung sống không có mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/5/2012. Hiện nay con chung đang sống chung với tôi. Nay ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/5/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh Đặng Văn T có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh T.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn T sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh T vào ngày 28/4/2012. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng có mâu thuẫn, anh T thì trình bày không có mâu thuẫn, tuy nhiên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[4].Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/5/2012. Hiện nay con chung đang sống chung với anh T, đồng thời cháu H có bản khai trình bày có nguyện vọng muốn sống chung với anh T nên nay khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị T, anh T thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Đặng Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/5/2012 cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T, anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T, anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009378 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ nên xem như chị T đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị T vắng mặt, Bị đơn anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi Cục THADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh